

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Giai cấp công nhân (GCCN) là một bộ phận đặc biệt trong lịch sử con người nói chung, trong xã hội tư bản nói riêng. Khái niệm phản ánh về GCCN cũng là một bộ phận quan trọng trong chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết giá trị thặng dư và trong chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học. Với vị trí như vậy, cho nên trong nhiều tác phẩm kinh điển, C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin thường xuyên đề cập tới khái niệm GCCN với những dấu hiệu khác nhau. Từ đây *đặt ra nhu cầu* nghiên cứu khái niệm GCCN từ góc nhìn triết học (vì các nhà kinh điển cũng tiếp cận từ góc nhìn triết học) nhằm hệ thống hóa những dấu hiệu ấy trong sự vận động, phát triển của chúng.

Ở nước ta, tuy nghiên cứu lý luận về khái niệm GCCN đã đạt được nhiều kết quả, song vẫn còn không ít những hạn chế. Chẳng hạn như các thuộc tính của GCCN chưa được sắp xếp thành hệ thống; vị trí, vai trò của các thuộc tính chưa được xác định rõ ràng; liên hệ giữa khái niệm GCCN với các khái niệm khác của CNXH khoa học còn mờ nhạt; khái niệm GCCN trong tư tưởng V.I.Lênin về chủ nghĩa đế quốc chưa được khai thác đầy đủ; sự sinh thành, biến đổi, mất đi những nội dung của khái niệm GCCN theo dòng chảy của lịch sử chưa được làm sáng tỏ,...

Trong những thập niên gần đây, dưới tác động của những thành tựu khoa học - công nghệ, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và nền kinh tế tri thức, GCCN có nhiều biến đổi. Những biến đổi ấy đòi hỏi cần được khái quát bằng cách nghiên cứu sự vận động của khái niệm GCCN.

Phong trào công nhân quốc tế từ những năm 70 của thế kỷ XX đến nay có biểu hiện lắng xuống, một phần nguyên nhân là do lý luận chưa hoàn toàn theo kịp sự biến đổi và yêu cầu của thực tiễn. GCCN đang tự đòi hỏi nhận thức rõ hơn về chính mình để hoạt động của nó đạt được hiệu quả hơn. Ở Việt Nam, nơi GCCN đang giữ vai trò lãnh đạo xây dựng đất nước thông qua chính đảng của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam, thì nhu cầu đó lại càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Việc làm rõ khái niệm GCCN cũng góp phần trang bị thêm cơ sở lý luận cho nghiên cứu lý luận về khái niệm GCCN Việt Nam hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề ***Sự vận động của khái niệm giai cấp công nhân nhìn từ quan điểm triết học biện chứng duy vật*** làm đề tài luận án triết học của mình.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: Phân tích làm rõ nguồn gốc ra đời, bản chất, logic vận động và phát triển của khái niệm nói chung trong tư duy lý luận và của khái niệm GCCN nhìn từ quan điểm triết học biện chứng duy vật.

Nhiệm vụ:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến lý luận chung về khái niệm, vận động của khái niệm lý luận và khái niệm GCCN nói riêng;
- Chỉ ra các điều kiện kinh tế - xã hội, tiền đề lý luận cho sự hình thành, vận động của khái niệm GCCN thời kỳ trước Mác;
- Làm rõ sự vận động của khái niệm GCCN trong tư tưởng C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin;
- Phân tích sự vận động của khái niệm GCCN trong tư duy lý luận từ sau khi V.I.Lênin mất đến nay;
- Bước đầu khảo sát sự vận động của khái niệm GCCN ở Việt Nam.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Logic vận động của khái niệm GCCN nhìn từ quan điểm triết học biện chứng duy vật.

Phạm vi nghiên cứu:

Sự vận động của khái niệm GCCN chủ yếu được nghiên cứu trong tư tưởng xã hội chủ nghĩa (XHCN) trước Mác, trong các tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin, trong lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế từ sau khi V.I.Lênin mất đến nay.

Luận án tập trung nghiên cứu sự biến đổi nội hàm và ngoại diên theo logic vận động của khái niệm GCCN nhìn từ quan điểm triết học biện chứng duy vật.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, những luận điểm logic biện chứng mácxít về những quy luật, nguyên tắc chi phối, chiều hướng và nguyên nhân vận động của khái niệm trong tư duy lý luận.

Phương pháp nghiên cứu: Luận án vận dụng các phương pháp thống nhất phân tích - tổng hợp, lịch sử - logic, diễn dịch - quy nạp, khái quát hóa, trừu tượng hóa, so sánh, phương pháp đọc hiểu tài liệu, văn bản, chú giải học...

5. Đóng góp mới của luận án

- Xây dựng khung mẫu lý thuyết về các điều kiện cần cho sự ra đời của một khái niệm, lý thuyết, học thuyết nói chung.
- Hiện thực hóa khung mẫu lý thuyết trên chất liệu logic vận động của khái niệm GCCN, qua đó khẳng định: Khái niệm GCCN vận động từ trừu tượng đến cụ

thể, có nội hàm ngày càng sâu sắc, ngoại diên ngày càng mở rộng; bản chất GCCN được phản ánh trong khái niệm trở thành nhân tố qui định tính chất, sự biến đổi các vấn đề của CNXH khoa học.

- Từ khung mẫu lý thuyết và lịch sử vận động khái niệm GCCN, bước đầu dự báo xu hướng phát triển tiếp theo của khái niệm này trong xã hội đương đại.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ hơn những cách hiểu và nội dung khái niệm GCCN trong lịch sử tư tưởng XHCN; từ đó tóm lược, khái quát hóa logic vận động của khái niệm GCCN trong tư duy lý luận.

Kết quả của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy môn logic học biện chứng, triết học Mác - Lênin, CNXH khoa học...

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, các công trình khoa học đã công bố của tác giả, tài liệu tham khảo, luận án được cấu trúc thành 3 chương 7 tiết.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Các công trình nghiên cứu lý luận chung về sự vận động của khái niệm và tư tưởng trước Mác về khái niệm giai cấp công nhân

Một số công trình dù đã đề cập tới nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, logic sinh thành và vận động của khái niệm, song các tác giả của chúng mới chỉ dừng lại ở việc vạch thảo những vấn đề lý thuyết chung. Một số công trình cho rằng, do bị chi phối bởi lập trường giai cấp và phương pháp nghiên cứu siêu hình, cho nên các nhà kinh tế chính trị cổ điển Anh chưa lý giải đúng hoặc đầy đủ nhiều phạm trù kinh tế. Điều đó lại dẫn họ đến quan niệm coi XHTB tồn tại vĩnh viễn và chưa hiểu được bản chất của GCCN, mâu thuẫn giữa GCCN với giai cấp tư sản (GCTS). Một số công trình khác đã chỉ ra được tiền đề lý luận của khái niệm GCCN qua việc đánh giá những giá trị và hạn chế của CNXH không tưởng Anh, Pháp đầu thế kỷ XIX. Tuy nhiên, các công trình này lại chưa nhận thấy việc các nhà không tưởng chưa nhận thức được bản chất GCCN và mối liên hệ nội tại giữa GCCN với các nội dung của CNXH là nguyên nhân về phương diện logic dẫn đến CNXH trước Mác rơi vào không tưởng và khái niệm GCCN chưa trở thành khái niệm cụ thể. Các công trình này cũng phân tích khá đầy đủ điều kiện kinh - tế xã hội cho sự ra đời của khái niệm GCCN.

2. Các công trình nghiên cứu các tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin có liên quan đến khái niệm giai cấp công nhân

Những công trình nghiên cứu các tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin có liên quan đến khái niệm GCCN đã liệt kê tương đối đầy đủ những thuật ngữ khác nhau mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã sử dụng để chỉ khái niệm GCCN; đã chỉ ra một số dấu hiệu nội hàm, song chưa nhìn chúng trong sự thống nhất; đã bước đầu gọi ra quá trình phát sinh, phát triển các thuộc tính, tính chất của GCCN và sứ mệnh lịch sử của nó phát triển từ lẻ tẻ đến định hình đầy đủ và trở thành hệ thống; đã bàn tới tổng thể các nội dung của khái niệm GCCN, nhưng các nội dung đó hầu như chỉ được sắp đặt cạnh nhau, mỗi liên hệ nội tại giữa khái niệm GCCN và các khái niệm của CNXH khoa học còn mờ nhạt; đã đề cập về mối quan hệ giữa phẩm chất người của người công nhân với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN), về mối quan hệ giữa bản chất nhân cách và bản chất giai cấp, về khâu trung gian, về sự tương tác giữa khái niệm GCCN và một số khái niệm trong CNXH khoa học, về một số khái niệm tự do, “cái có thể”, “cái tồn tại trong tiềm năng”, ... dưới góc nhìn triết học; đã phê phán quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, bác bỏ sứ mệnh lịch sử của GCCN, xã hội cộng sản chủ nghĩa, “thuyết sử luận”, họ đi tìm một chủ thể cách mạng mới.

3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến khái niệm giai cấp công nhân ở các nhà lý luận sau Lênin

Khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, một số công trình đã đề cập tới quan hệ giữa GCCN và dân tộc, Đảng cộng sản Việt Nam, các giai đoạn của quá trình tiến lên CNXH,... đánh giá tư tưởng của Bác là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cách mạng Việt Nam với nhiều điểm mới và sáng tạo về “con đường cách mạng vô sản”; đã nhận thấy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại diên rộng lớn của khái niệm GCCN và những tính chất và nhiệm vụ lịch sử mới của GCCN sau khi giành được chính quyền.

Một số công trình đưa thêm dấu hiệu vào nội hàm khái niệm GCCN như có địa vị làm chủ đất nước, làm công ăn lương, lấy thu nhập bằng lương làm nguồn sống và quy thêm nhiều đối tượng vào ngoại diên như: nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp, viên chức, cán bộ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước... Một số công trình phê phán các học thuyết, quan điểm cho rằng GCCN không còn tồn tại, phủ nhận sứ mệnh lịch sử và đấu tranh giai cấp của GCCN, chủ nghĩa tư bản tồn tại vĩnh viễn. Nhiều công trình cung cấp dữ liệu lịch sử phong phú về phong trào công nhân mà NCS có thể sử dụng để phân tích, đánh giá những tư tưởng về GCCN ở các giai đoạn lịch sử.

4. Khái quát các kết quả chính của các công trình được tổng quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

4.1. Khái quát những kết quả chính của các công trình được tổng quan

- Các công trình đã làm rõ được các vấn đề như nguồn gốc, bản chất và các đặc điểm của khái niệm; đã đặt vấn đề nghiên cứu về logic vận động của khái niệm nói chung trong logic học biện chứng, theo hướng này các tác giả đã nhận diện được hai nội dung logic chính; đã trình bày khá rõ các điều kiện kinh tế - xã hội và tiền đề lý luận ở thời cận hiện đại cho sự hình thành khái niệm GCCN trong chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Đã liệt kê được các thuật ngữ khác nhau dùng để chỉ khái niệm GCCN. Nhiều quan điểm về GCCN được lý giải sâu sắc từ góc nhìn triết học biện chứng duy vật. Trong khi khái quát quá trình vận động tư tưởng về GCCN, logic vận động của khái niệm GCCN xét như hiện tượng độc lập bước đầu được đề cập tới, nhờ đó đã chứng minh được một số quan điểm đối lập với chủ nghĩa Mác - Lênin về GCCN là sai trái.

- Đã đề cập được hầu hết các dấu hiệu của khái niệm GCCN. Nhưng các dấu hiệu này lại được sắp xếp cái này bên cạnh cái kia, mối liên hệ giữa chúng thể hiện mờ nhạt. Do đó khách thể GCCN chưa được ý thức như một hệ thống các mối liên hệ tất yếu của các tính quy định vận động, phát triển, nên logic của quá trình nhận thức khách thể GCCN chưa được làm rõ.

4.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

- Tiếp tục làm sâu sắc và khái quát hơn về các điều kiện hình thành một khái niệm khoa học; bản chất, các đặc điểm và sự vận động của nó trong tư duy lý luận.

- Tiếp tục làm rõ dấu hiệu nội hàm của khái niệm GCCN trong quan niệm của C.Mác, Ph.Ăngghen.

- Tiếp tục làm rõ logic nhận thức sự vận động của khách thể GCCN, nhìn GCCN trong tính thống nhất của những thuộc tính luôn luôn vận động, phát triển từ trừu tượng đến cụ thể, đồng thời là quá trình phát triển khái niệm GCCN với nội dung ngày càng phong phú, nội hàm ngày càng sâu sắc và ngoại diên ngày càng rộng mở.

Tiểu kết phần tổng quan

Mặc dù có nhiều công trình liên quan đến luận án, song chưa có công trình nào coi logic vận động của khái niệm GCCN là đối tượng nghiên cứu chính của mình. Vì vậy mà những công trình đó tuy đã gặt hái được một số kết quả nhất định, nhưng chúng đã không thể nào giải quyết đầy đủ các mục đích, nhiệm vụ như luận án đặt ra. Nhiều yêu cầu lý luận vẫn đang nổi lên cấp thiết. Luận án xác định một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu là làm sâu sắc và khái quát hơn các điều kiện hình thành một khái niệm khoa học, bản chất, các đặc điểm và sự vận động của nó trong tư duy lý luận; tiếp tục làm rõ thêm dấu hiệu nội hàm của khái niệm GCCN và logic nhận

thức sự vận động của khách thể GCCN.

CHƯƠNG 1.

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KHÁI NIỆM VÀ SỰ HÌNH THÀNH KHÁI NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN THỜI KỲ TRƯỚC MÁC

1.1. Lý luận chung về khái niệm lý luận - khoa học

1.1.1. Bản chất, nguồn gốc và các đặc điểm của khái niệm

* *Bản chất của khái niệm.* Khái niệm là hình thức phản ánh những thuộc tính bản chất của sự vật riêng rẽ hay lớp các sự vật, hiện tượng nhất định bằng các dấu hiệu bản chất khác biệt.

* *Nguồn gốc của khái niệm:* Ý niệm là khâu trung gian thực hiện bước chuyển tiếp từ nhận thức cảm tính lên nhận thức lý tính, từ biểu tượng lên khái niệm.

* *Khái niệm mang một số đặc điểm cơ bản sau đây:* là sự hiểu biết tương đối toàn diện và có hệ thống về bản chất, quy luật của đối tượng; có bản tính hoạt động; nội dung của khái niệm được biểu đạt bằng nghĩa của từ; được tạo thành từ nội hàm và ngoại diên. Các đặc điểm của khái niệm sẽ lộ ra rõ hơn khi nó được chia ra thành hai cấp độ kinh nghiệm và lý luận. Hai cấp độ này khác nhau về chất và có quan hệ biện chứng với nhau.

1.1.2. Logic của khái niệm và logic vận động của khái niệm

Logic của khái niệm là hệ thống những mối liên hệ và trình tự có tính quy luật của sự tồn tại, triển khai và vận dụng khái niệm. Logic vận động của khái niệm là hệ thống những mối liên hệ và trình tự có tính quy luật chỉ của *riêng sự triển khai* (vận động) khái niệm. Logic vận động của khái niệm thể hiện qua hai nội dung chính: *Một là*, hệ thống những quy luật và nguyên tắc logic biện chứng; *hai là*, những chiều hướng có tính quy luật của sự vận động khái niệm.

* Về nội dung thứ nhất

Quy luật lượng đổi chất đổi và ngược lại: Tác động của quy luật này thể hiện ở chỗ: *Thứ nhất*, trình tự “*chất - lượng - độ*” trong sự vận động của khái niệm với tư cách là quá trình nhận thức đối tượng. Trình tự đó quy định sự vận động của khái niệm qua ba giai đoạn: nhận thức đối tượng về mặt *chất*, nhận thức đối tượng về mặt *lượng* và nhận thức về mặt *độ*. *Thứ hai*, sự vận động của các khái niệm xét như những hiện tượng độc lập. Ở phương diện này, bước chuyển từ khái niệm này sang khái niệm khác hay từ cấp độ này sang cấp độ khác của cùng một khái niệm, đều là sự thay đổi về chất có cơ sở từ những thay đổi về lượng.

Quy luật thống nhất và đấu tranh các mặt đối lập. Tác động của quy luật này thể hiện ở chỗ: *Thứ nhất*, những mâu thuẫn thuộc về đối tượng mà khái niệm phản ánh. Sự phản ánh các mâu thuẫn của đối tượng vào khái niệm theo một quá

trình như sau: đối tượng được xét như thể thống nhất trực tiếp bị phân chia thành các mặt đối lập; những tính quy định ràng buộc lẫn nhau giữa các mặt đối lập; tái hiện mâu thuẫn của đối tượng vào tri thức khái niệm, khiến cho mâu thuẫn từ “tự nó” trở thành “cho nó”; *Thứ hai*, những mâu thuẫn của nhận thức giữa chủ quan và khách quan, giữa cảm tính và lý tính. Nhận thức thực hiện quá trình thâm nhập lẫn nhau giữa các mặt đối lập ấy, đưa chúng vào khái niệm và cấu tạo chúng thành những mâu thuẫn biện chứng của khái niệm. Sự thâm nhập lẫn nhau làm cho các mặt đối lập đó đều được cải tạo đi, mâu thuẫn được giải quyết dẫn đến thiết lập những hình thức thống nhất mới của chúng, đưa khái niệm lên cấp độ cao hơn; *Thứ ba*, xét về cơ cấu hoạt động, các khái niệm trong tư duy lý luận cũng bao hàm những mâu thuẫn biện chứng. Đó là mâu thuẫn giữa cái phổ biến và cái đơn nhất, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch... Sự thâm nhập lẫn nhau của chúng tạo thành nguồn gốc, động lực “bên trong” cho khái niệm vận động.

Quy luật phủ định của phủ định. Sự tác động của quy luật này thể hiện ở chỗ: *Thứ nhất*, trình tự “khẳng định - phủ định - phủ định của phủ định” trong sự vận động của khái niệm với tư cách là quá trình nhận thức đối tượng. Trình tự này chi phối sự vận động của khái niệm qua ba giai đoạn nhận thức đối tượng: khẳng định - phủ định - phủ định của phủ định; *Thứ hai*, quy luật này chi phối sự vận động của các khái niệm xét như những hiện tượng độc lập. Sự tác động của quy luật làm cho khái niệm vận động theo những chu kỳ. Tính chu kỳ thể hiện ở hình thức xoáy ốc trong sự vận động của khái niệm.

Nguyên tắc đi từ trừu tượng đến cụ thể cho thấy hình thái tổng thể của sự vận động các khái niệm lý luận. Sự tác động của nguyên tắc này biểu hiện ở chỗ: *Thứ nhất*, quá trình tư duy lý luận xây dựng, triển khai và cấu tạo các khái niệm thành hệ thống phản ánh tương đối đầy đủ bản chất đối tượng. Về tổng thể, tư duy lý luận thực hiện một quá trình tổng hợp làm cho những khái niệm cuối cùng phản ánh đối tượng một cách cụ thể nhất. Tất nhiên quá trình này có những điều kiện của nó; *Thứ hai*, nguyên tắc này còn chi phối sự vận động của mỗi khái niệm, xét như những hiện tượng độc lập. Từng khái niệm là một cơ cấu biện chứng của các mặt đối lập, cái đơn nhất và cái phổ biến. Vận động của khái niệm được triển khai theo hai vòng khâu đồng thời của sự thâm nhập lẫn nhau giữa hai cái đó. Cả hai cùng nhau thể hiện sự vận động của khái niệm đi từ trừu tượng đến cụ thể. Trong sự vận động của khái niệm, cứ mỗi bước tiến lên cái trừu tượng lại bao hàm cả một bước tiến gần đến cụ thể.

Nguyên tắc thống nhất lịch sử - logic. Sơ bộ tương quan giữa logic và lịch sử có ít nhất hai trường hợp:

Trường hợp *thứ nhất* là tương quan giữa khái niệm vận động trong tư duy lý luận và đối tượng nhận thức tồn tại trong hiện thực. Tương quan này bao gồm ba nội dung chính: quan hệ giữa logic vận động của khái niệm và đối tượng nhận thức; quan hệ giữa logic vận động của khái niệm và những hiểu biết trực quan - kinh nghiệm về đối tượng; quan hệ giữa nhận thức bằng phương pháp logic và phương pháp lịch sử về đối tượng trong sự vận động của khái niệm.

Trường hợp *thứ hai* là tương quan giữa sự vận động của khái niệm trong tư duy lý luận và sự vận động khái niệm trong lịch sử nhận thức của nhân loại. Tương quan này có hai nội dung chính: logic vận động của khái niệm trong tư duy lý luận của cá nhân tái lập lại dưới dạng rút ngắn lịch sử của nó trong nhận thức nhân loại. Ở đây sự phát sinh cá thể khái quát - lặp lại toàn bộ sự phát sinh loài; logic vận động của khái niệm trong tư duy lý luận của con người xã hội là sự rút gọn, tổng kết, nâng lên trình độ cao nhất lịch sử của nó trong nhận thức nhân loại.

Nguyên tắc thống nhất lịch sử - logic đặt ra một loạt yêu cầu đối với việc xây dựng, triển khai và vận dụng các khái niệm trong tư duy lý luận.

* *Các điều kiện cần cho sự ra đời của một khái niệm: Thứ nhất*, đối tượng mà khái niệm phản ánh đã phát triển đến độ trưởng thành; *Thứ hai*, về đối tượng đó đã có đủ các tư tưởng, quan điểm, ý kiến bàn luận từ các góc độ, bình diện khác nhau; *Thứ ba*, xuất hiện trên vũ đài lịch sử một chủ thể tiến bộ có lợi ích thiết thân, quan tâm máu thịt đến sự phản ánh đúng đối tượng.

* *Về nội dung thứ hai của logic vận động của khái niệm*

1/ *Khi tương tác với nhau, các khái niệm vận động theo hướng sản sinh ra khái niệm mới*: Để các khái niệm tương tác với nhau cần một số điều kiện: chúng là phản ánh các khách thể có quan hệ hữu cơ với nhau; chúng là những khái niệm vận động; có ít nhất một khái niệm “chủ”. Sự tương tác giữa các khái niệm để lại hệ quả là các khái niệm tham gia tương tác có sự biến đổi cả về nội hàm và ngoại diên, có sự sản sinh ra khái niệm mới. Có hai loại tương tác khái niệm là tương tác đồng đại và tương tác lịch đại.

2/ *Sự vận động của khái niệm trong thực tiễn diễn ra theo hướng bổ sung, đổi mới tri thức và hiện thực hoá*: Các khái niệm đều bắt nguồn và phát triển trên cơ sở thực tiễn. Trong thực tiễn, khái niệm vừa được bổ sung, đổi mới những tri thức, vừa định hướng và tổ chức các hoạt động của chủ thể. Còn thực tiễn lại thể hiện như là sự vận dụng và hiện thực hoá khái niệm.

3/ *Khái niệm vận động theo chiều hướng làm sâu sắc thêm nội hàm và mở rộng ngoại diên*: Sự vận động của khái niệm theo xu hướng này được thể hiện ở sự thâm nhập giữa cái phổ biến và cái đơn nhất. Theo chiều thuận cái đơn nhất

thâm nhập vào cái phổ biến, làm cho nội hàm khái niệm phong phú hơn và sâu sắc hơn. Ngược lại, cái phổ biến thâm nhập vào cái đơn nhất làm cho ngoại diên khái niệm mở rộng hơn. Chiều hướng này của khái niệm thực chất là biểu hiện của nguyên tắc đi từ trừu tượng đến cụ thể.

1.2. Sự ra đời khái niệm giai cấp công nhân trong lịch sử tư tưởng trước Mác

1.2.1. Các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội châu Âu thế kỷ XVI - nửa đầu thế kỷ XIX

Quá trình chuyển hóa từ sức lao động thành hàng hóa sức lao động, từ nhiều giai tầng thành GCCN gắn liền với quá trình hình thành phương thức sản xuất TBCN. Điều kiện để phương thức sản xuất TBCN ra đời là xuất hiện trên thị trường hai loại hàng hóa: tiền và hàng hóa sức lao động. Người có tiền, tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, cần mua sức lao động; bên còn lại là những người bán sức lao động của mình. Khi nào họ phải bán sức lao động? Khi họ bị tách rời khỏi quyền sở hữu tư liệu sản xuất. Nhưng họ muốn bán sức lao động thì họ phải trở thành người tự do. Để có được tự do, họ cần phải thoát khỏi sự thống trị của phường hội và không còn lệ thuộc kiểu nông nô hay phong kiến vào một người khác. Như vậy sự vận động lịch sử thực hiện bước nhảy chuyển hóa thành người lao động làm thuê là quá trình bao gồm hai mặt. Một mặt thể hiện thành sự giải phóng họ khỏi sự phụ thuộc phong kiến và sự cưỡng bức của phường hội. Mặt khác, những người mới được giải phóng đó chỉ trở thành những người tự bán mình sau khi họ bị tước hết mọi tư liệu sản xuất và mọi thứ bảo đảm đời sống do thể chế phong kiến cũ cung cấp cho họ. Và lịch sử của sự tước đoạt đó đã được ghi vào sử sách của loài người bằng máu và lửa với nhiều biện pháp cụ thể.

Gắn liền với quá trình sinh thành GCCN thông qua các biện pháp tước đoạt ruộng đất là những cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất sản với sự xuất hiện những hình thức kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Đầu tiên là sự hình thành hình thức kinh tế công trường thủ công của nền sản xuất TBCN. Công trường thủ công được hình thành thì công nhân công trường thủ công cũng ra đời. Công nhân công trường thủ công vẫn chưa tách ra khỏi khối quần chúng nghèo khổ, chưa trở thành một lực lượng chính trị ổn định, độc lập trong xã hội, địa vị làm thuê của họ còn mang tính chất nhất thời, tạm bợ.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất gây ra một cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất TBCN. Dưới tác động của cuộc cách mạng này, nền sản TBCN chuyển hóa từ hình thức công trường thủ công sang hình thức đại công nghiệp cơ khí. Đại công nghệ cơ khí hình thành dẫn đến sự ra đời của GCCN hiện đại. GCCN hiện đại ngày càng phát triển trưởng thành hơn. Tương ứng với mỗi

bước phát triển ấy, trình độ và hình thức những cuộc đấu tranh của họ cũng phát triển từ đấu tranh kinh tế đến đấu tranh chính trị, từ đấu tranh tự phát đến đấu tranh tự giác.

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, *GCCN hiện đại xuất hiện trên vũ đài lịch sử với tính cách một lực lượng chính trị - xã hội độc lập*. Xung đột giữa công nhân và tư sản đã trở thành những cuộc đấu tranh giai cấp. Thực tiễn đấu tranh cách mạng của GCCN yêu cầu phải được soi sáng bằng lý luận khoa học. Trước yêu cầu đó, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng tạo ra chủ nghĩa Mác và khái niệm khoa học về GCCN.

1.2.2. Các tiền đề tư tưởng

Khái niệm GCCN ra đời còn dựa trên giá trị tư tưởng triết học và kinh tế chính trị, CNXH không tưởng. Luận án tập trung vào tiền đề CNXH không tưởng.

1.2.2.1. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng từ thế kỷ XVI - XVIII

Thời kỳ này, tư tưởng XHCN không tưởng có một số điểm nổi bật sau đây: Góp phần vào làm rõ quá trình sinh thành lao động làm thuê; GCCN được nhận thức trong sự hòa lẫn với quần chúng nhân dân lao động nói chung; cho rằng nguồn gốc của mọi bất công xã hội là chế độ tư hữu; chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu; phác họa mô hình xã hội tương lai khá hoàn chỉnh và đầy đủ, trong đó có những dự báo về sau được chứng minh là đúng đắn. Tuy nhiên, họ chưa thấy mối liên hệ nội tại giữa mô hình xã hội này với GCCN; một số nhà tư tưởng chủ trương xây dựng xã hội tương lai bằng con đường hòa bình, số khác chủ trương bằng con đường bạo lực. Nhưng dù con đường nào, thì cũng chưa được họ nhận thức là con đường cách mạng của GCCN. Thời kỳ này, phương thức sản xuất TBCN và GCCN đang sinh thành trong lòng xã hội phong kiến hoặc mới thoát thai từ xã hội đó, nên tư tưởng phản ánh về nó không thể không rơi vào “không tưởng”.

1.2.2.2. Tư tưởng XHCN không tưởng - phê phán Anh, Pháp đầu thế kỷ XIX

Đến những năm đầu thế kỷ XIX, GCCN hiện đại vẫn còn ít phát triển. Tương ứng về trình độ phát triển của GCCN thời kỳ này là tư tưởng XHCN không tưởng – phê phán Anh, Pháp đầu thế kỷ XIX với những đại biểu tiêu biểu là Henri Saint Simon, Charle Fourie, Robert Owen. Nó có một số nội dung nổi bật sau đây:

a. Quan niệm về giai cấp công nhân

Các nhà tư tưởng XHCN lấy việc “*không có tài sản*” làm dấu hiệu căn bản để xác định GCCN. Tuy nhiên, đây chưa phải là thuộc tính bản chất của GCCN.

Do sự phát triển khác nhau giữa các quốc gia về công nghiệp và quan hệ giai cấp, nên sự nhận thức về GCCN giữa các nhà không tưởng cũng không thể nào giống nhau. Trong khi Henri Saint Simon chỉ nhận thức GCCN hòa lẫn trong đẳng

cấp thứ ba, thì Robert Owen đã có sự phân biệt GCCN hiện đại với quần chúng lao động; trong khi Henri Saint Simon và Charle Fourie chỉ thấy mâu thuẫn chung chung giữa quần chúng nhân dân lao động với những người hưởng đặc quyền, đặc lợi, thì Robert Owen đã nhìn thấy được chính xác mâu thuẫn giữa GCCN với GCTS.

b. Quan niệm về vai trò của giai cấp công nhân trong xây dựng xã hội mới

Về tính tất yếu ra đời xã hội mới. Quan niệm của Robert Owen chứa đựng mầm mống tư tưởng về mâu thuẫn giữa quan hệ nhân cách và quan hệ giai cấp ở các giai tầng xã hội, trong đó có GCCN. Giải quyết mâu thuẫn ấy tất yếu đưa Robert Owen đi đến quan điểm phải thủ tiêu chế độ tư hữu và thiết lập chế độ công hữu. Robert Owen còn lý giải việc cần thiết phải thiết lập xã hội tương lai xuất phát từ sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ông tiên đoán, lực lượng vật chất mà cuộc cách mạng công nghiệp đem lại đang chín muồi trong lòng xã hội cuối cùng sẽ dẫn đến sự thay đổi xã hội.

Về mô hình xã hội tương lai. Cả ba ông đều quan niệm xã hội tương lai là xã hội nhân bản vì con người với các đặc trưng:

- *Về sở hữu:* Nếu như Henri Saint Simon và Charle Fourie chủ trương xã hội mới vẫn tồn tại chế độ tư hữu, thì Robert Owen đã vượt lên quan điểm này khi ông chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu và xây dựng chế độ công hữu.

- *Về tổ chức lao động xã hội:* Cả ba ông đều chủ trương lao động tập thể. Charle Fourie còn cho rằng, trong xã hội mới, lao động làm thuê bị thủ tiêu, thay vào đó là lao động tự do và tự nguyện.

- *Về phân phối,* Charle Fourie quan niệm “xã hội hài hòa” thực hiện phân phối một cách công bằng. Sự phân phối này dựa trên sự kết hợp hài hòa ba yếu tố tư bản, lao động và tài năng. Robert Owen cũng cho rằng việc phân phối được thực hiện công bằng, song ở ông sự phân phối dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

- *Về chính trị,* Henri Saint Simon quan niệm chính trị là khoa học về sản xuất và sẽ bị kinh tế học hoàn toàn nuốt mất. Đánh giá về luận điểm này, Ph.Ăngghen viết: “tư tưởng cho rằng việc quản lý con người về chính trị phải biến thành việc quản lý vật và thành việc chỉ đạo quá trình sản xuất, nghĩa là tư tưởng “xóa bỏ nhà nước” mà gần đây người ta đã làm âm ỉ rất nhiều - tư tưởng ấy đã được nêu lên một cách hoàn toàn rõ rệt”.

Các nhà không tưởng thời kỳ này tiếp tục có thêm những dự báo đúng đắn về đặc điểm mô hình xã hội tương lai. Tuy nhiên, họ vẫn chưa nhận thức được liên hệ logic nội tại giữa GCCN với xã hội tương lai, chưa thấy được khái niệm GCCN qua trung giới sẽ chuyển hóa thành các khái niệm của CNXH.

Về con đường và lực lượng xây dựng xã hội mới: ba nhà không tưởng rơi vào duy tâm khi họ đều cho rằng thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội mới bằng con đường hòa bình, giáo dục, thuyết phục. Họ cũng chưa nhìn ra sứ mệnh lịch sử của GCCN, chưa thấy được việc xây dựng xã hội mới là con đường cách mạng của GCCN.

Tiểu kết chương 1

Khái niệm là hình thức phản ánh những thuộc tính bản chất của đối tượng bằng các dấu hiệu bản chất, khác biệt. Ý niệm là khâu trung gian chuyển tiếp từ biểu tượng lên khái niệm. Khái niệm có nhiều đặc điểm. Vận động là một trong những đặc điểm ấy. Sự vận động của khái niệm bị chi phối bởi những quy luật, những nguyên tắc logic biện chứng và theo những chiều hướng mang tính quy luật trong tư duy lý luận. Để có một khái niệm cấp độ lý luận đòi hỏi đối tượng được khái niệm phản ánh đã trưởng thành, tư tưởng về đối tượng đã đủ về lượng, chủ thể phản ánh có lợi ích gắn bó với việc phản ánh đúng về đối tượng.

Khái niệm GCCN ra đời trên cơ sở GCCN phát triển từ non yếu đến trưởng thành và những giá trị trong tư tưởng XHCN không tưởng thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX. Trong Tư tưởng XHCN không tưởng, nội hàm khái niệm GCCN chưa phản ánh được bản chất của GCCN, chưa thấy liên hệ logic nội tại giữa GCCN với các nội dung khác của CNXH, làm cho CNXH thời kỳ này rơi vào tình trạng không tưởng. Xét đến cùng, hạn chế đó lại bị quy định bởi hạn chế về lịch sử.

CHƯƠNG 2.

KHÁI NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG TƯ TƯỞNG CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNGGHEN

2.1. Tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về bản chất giai cấp công nhân và sự phát triển của giai cấp công nhân

2.1.1. Định nghĩa khái niệm giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là giai cấp mà lao động bị tha hóa của họ mang hình thái lao động làm thuê. Từ quá trình hình thành định nghĩa khái niệm GCCN, có thể tóm tắt thành 3 thuộc tính được phản ánh trong khái niệm GCCN như sau:

1. Lao động làm thuê. Đây là cái trừu tượng, phổ biến, bản chất khác biệt của GCCN, là dấu hiệu nội hàm của khái niệm GCCN. Lao động làm thuê còn là cái *trừu tượng biện chứng* vì nó là sự thống nhất của ba mặt: 1) Bị tước đoạt tư liệu sản xuất; 2) Được tổ chức lao động xã hội; 3) Bị bóc lột giá trị thặng dư.

2. Thuộc tính “lao động làm thuê” bao hàm cái khác của nó, đó là nhân tính, quan hệ nhân cách, bản chất mang tính loài của con người.

3. Tương tác giữa nhân tính và lao động làm thuê sản sinh ra tính chất đại diện

cho cái tương lai đang tồn tại dưới dạng tiềm tàng là sứ mệnh lịch sử của GCCN.

2.1.2. Mâu thuẫn của giai cấp công nhân

Trong định nghĩa GCCN, “*lao động làm thuê*” biểu hiện địa vị đối lập với GCTS. Nó là bản chất hàng một của GCCN. Địa vị “*lao động làm thuê*” bao hàm cái khác của nó là quan hệ nhân cách. Đây là bản chất hàng hai của GCCN. Hai hàng bản chất này mâu thuẫn với nhau (Nên GCCN mang bản chất mâu thuẫn). Mâu thuẫn này biểu hiện ra là mâu thuẫn giữa GCCN với GCTS. GCCN là *mặt phủ định* của sự đối lập ấy, là giai cấp buộc phải thủ tiêu bản thân mình, thủ tiêu GCTS và chế độ tư hữu, xây dựng chủ nghĩa cộng sản. C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, trong phạm vi toàn bộ sự đối lập, người tư hữu là mặt *bảo thủ*, người vô sản là mặt *phá hoại*. Từ người thứ nhất nảy sinh ra hành động nhằm duy trì sự đối lập, từ người thứ hai, nảy sinh ra hành động nhằm xoá bỏ sự đối lập. Vai trò phủ định mặt đối lập đó chính là sứ mệnh lịch sử của GCCN. GCCN là sự thống nhất của quá khứ - nhân tính, hiện tại – lao động làm thuê, tương lai - sứ mệnh lịch sử. Sự vận động của GCCN là sự vận động của bản chất mâu thuẫn, mỗi bước giải quyết mâu thuẫn đó là sự tiến tới việc hoàn thành sứ mệnh lịch sử của bản thân nó.

2.1.3. Các hình thái của lao động làm thuê (hình thái công nhân)

2.1.3.1. Công nhân quá độ công trường thủ công

Đây là hình thái công nhân quá độ từ xã hội phong kiến lên xã hội TBCN. Hình thái công nhân này gồm công nhân quá độ công trường thủ công sơ khai và công nhân quá độ công trường thủ công chính thức. Chúng khác nhau về chất, trong đó công nhân quá độ công trường thủ công sơ khai là GCCN mà lao động làm thuê có tính chất hiệp tác giản đơn; công nhân quá độ công trường thủ công chính thức là GCCN mà lao động làm thuê có sự phân công lao động.

2.1.3.2. Công nhân công xưởng

Công nhân công xưởng là những người chủ yếu tạo thành GCCN mà lao động làm thuê trở thành một khí quan, bộ phận phụ thuộc, bổ sung cho bộ phận khí quan vô tri vô giác của máy móc.

Mỗi khi hình thái công nhân mới ra đời (ngoại diên mở rộng), nội hàm khái niệm GCCN cũng trở nên sâu sắc hơn nhờ thống nhất các dấu hiệu mới của tất cả các hình thái công nhân mới, đồng thời lao động làm thuê (cái trừu tượng) lại được triển khai thành bản chất và những thuộc tính cụ thể hơn của mỗi hình thái công nhân.

2.2. Tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về con đường hiện thực hóa bản chất của giai cấp công nhân

2.2.1. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về Đảng Cộng sản

Sự tương tác giữa khái niệm GCCN với khái niệm đảng phái dẫn đến nhiều biến đổi. *Thứ nhất*, khái niệm GCCN được bổ sung thêm *nội dung đảng phái*, còn khái niệm đảng phái được bổ sung *nội dung GCCN*. Việc được bổ sung *nội dung đảng phái* chính là sự triển khai bản chất của GCCN ngày càng cụ thể hơn. Nội hàm khái niệm GCCN, vì vậy cũng trở nên sâu sắc hơn bởi nó thống nhất và tổng hợp vào trong mình nội dung mới. Ngoại diện của khái niệm GCCN cũng được mở rộng hơn. Lý do là sự sinh thành nội dung đảng phái chứng tỏ GCCN không còn trong hình thái công nhân quá độ công trường thủ công nữa. *Thứ hai*, xuất hiện dấu hiệu chung thống nhất, đó là *nội dung đảng phái* đang hình thành trong phong trào công nhân, nội dung GCCN đang hình thành trong đảng phái. Trên cơ sở đó, C.Mác và Ph.Ăngghen xây dựng nên khái niệm Đảng Cộng sản. Khái niệm này mang nội dung của cả hai khái niệm tham gia tương tác: *nội dung đảng phái* và *nội dung GCCN*, trong đó nội dung đảng phái là dấu hiệu chung, nội dung GCCN là dấu hiệu bản chất, khác biệt. Từ đó ta có định nghĩa: Đảng Cộng sản là đảng phái mang bản chất GCCN.

2.2.2. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về cách mạng vô sản

Sự tương tác giữa hai khái niệm GCCN và cách mạng xã hội chẳng những làm cho hai khái niệm đó có ngoại diện mở rộng hơn, nội hàm sâu sắc hơn, bản chất GCCN được triển khai cụ thể hơn, mà còn làm nảy sinh một khái niệm mới – khái niệm cách mạng vô sản. Do khái niệm GCCN là khái niệm chủ, nên nó chi phối các nội dung của khái niệm cách mạng vô sản, bản chất mâu thuẫn của GCCN qui định mục đích, nhiệm vụ, nội dung, tính chất và cách giải quyết nhiều vấn đề khác trong tiến trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN.

2.2.3. Sự phát triển của khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về nhà nước chuyên chính vô sản

Sự tương tác hai khái niệm GCCN và nhà nước dẫn đến những biến đổi: 1/ đối với khái niệm GCCN, nội dung được bổ sung *yếu tố nhà nước*, ngoại diện được mở rộng, nội hàm sâu sắc hơn do thống nhất và tổng hợp nội dung mới trong mình, bản chất của GCCN cũng được triển khai cụ thể hơn; 2/ Khái niệm nhà nước có thêm *nội dung giai cấp công nhân*, 3/ Xuất hiện dấu hiệu chung thống nhất: Phong trào công nhân đang hình thành nội dung nhà nước, nhà nước đang xuất hiện yếu tố GCCN. Từ đó, C.Mác và Ph.Ăngghen đã xây dựng nên khái niệm nhà nước chuyên chính vô sản. Khái niệm nhà nước chuyên chính vô sản mang nội dung của cả hai khái niệm sinh thành ra nó: nội dung nhà nước và nội dung GCCN, trong đó nội dung đầu là dấu hiệu chung, nội dung thứ hai là dấu hiệu bản chất, khác

biệt. Bản chất GCCN còn qui định sự sinh thành các tính chất cụ thể khác của nhà nước chuyên chính vô sản.

2.2.4. Sự phát triển của khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Sự tương tác hai khái niệm GCCN và xã hội dẫn đến: 1/ Khái niệm GCCN có thêm *nội dung xã hội*, ngoại diên thì được mở rộng, nội hàm cũng sâu sắc hơn do thống nhất và tổng hợp nội dung mới trong mình, bản chất GCCN phản ánh trong khái niệm cũng được triển khai cụ thể hơn; 2/ Khái niệm xã hội có thêm *nội dung GCCN*; 3/ Xuất hiện dấu hiệu chung thống nhất: Phong trào công nhân nảy sinh *nội dung xã hội* và xã hội hình thành *nội dung GCCN*. Từ đây, C.Mác, Ph.Ăngghen xây dựng nên khái niệm xã hội cộng sản chủ nghĩa.

GCCN mang bản chất mâu thuẫn. Bản chất này qui định sứ mệnh lịch sử của nó. Việc giải quyết mâu thuẫn của GCCN dẫn đến lao động bị tha hóa, chế độ tư hữu TBCN dần bị xóa bỏ, chế độ công hữu, lao động tự do, sáng tạo dần hình thành, tức sự hình thành chủ nghĩa cộng sản. Tùy theo mức độ giải quyết mâu thuẫn đó mà xã hội cộng sản chủ nghĩa ở giai đoạn thấp hay giai đoạn cao. Khi mâu thuẫn được giải quyết hoàn toàn thì bản chất hàng một của GCCN bị xóa bỏ, lao động tự do, quan hệ nhân cách được hiện thực hóa hoàn toàn.

Tiểu kết chương 2

Trong tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, khái niệm GCCN vận động theo con đường đi từ trừu tượng tới cụ thể. Lao động làm thuê, là thuộc tính phổ biến, trừu tượng nhất, là bản chất khác biệt của GCCN, đồng thời là cái trừu tượng biện chứng vì nó là sự thống nhất của ba mặt: bị tước đoạt tư liệu sản xuất, bị tổ chức quản lý sản xuất, bị bóc lột giá trị thặng dư. Lao động làm thuê mâu thuẫn với cái khác của nó là quan hệ nhân tính. Mâu thuẫn này biểu hiện ra thành mâu thuẫn giữa GCCN và GCTS. Bản chất mâu thuẫn của lao động làm thuê qui định sứ mệnh lịch sử và mọi sự vận động về sau của nó. Qua các hình thái GCCN và qua tương tác giữa các khái niệm, bản chất của GCCN được triển khai thành hệ thống những thuộc tính cụ thể hơn. Khái niệm GCCN trở thành cái cụ thể.

Trong tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, khái niệm GCCN có ngoại diên ngày càng mở rộng, do xuất hiện những hình thái công nhân mới; có nội dung ngày càng đầy đủ, do mỗi đối tượng công nhân mới lại xuất hiện thêm những thuộc tính mới; có nội hàm ngày càng sâu sắc do trình độ khái quát của nó ngày càng cao hơn nhờ thống nhất tất cả nội dung mới xuất hiện. Khái niệm GCCN trong tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen cũng được hiện thực hóa từng phần.

Trong tương tác khái niệm, hình thành nên một hệ thống những khái niệm

của CNXH khoa học, trong đó khái niệm GCCN đóng vai trò là khái niệm chủ, chi phối trình độ các khái niệm mới được sinh ra, bản chất GCCN trở thành bản chất và qui định các nội dung khác của CNXH. Khái niệm GCCN trong tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen đã trở thành một khái niệm khoa học, nên hệ thống khái niệm của CNXH cũng trở thành khoa học.

CHƯƠNG 3.

SỰ VẬN ĐỘNG CỦA KHÁI NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN TỪ ĐẦU KỶ XX ĐẾN NAY

3.1. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin

3.1.1. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin về chủ nghĩa đế quốc

GCCN trong chủ nghĩa đế quốc có những biến đổi sau đây:

Thứ nhất, GCCN trở thành người *trực tiếp làm thuê* cho nhiều nhà tư bản liên minh với nhau trong tổ chức độc quyền, *trực tiếp làm thuê* cho nhà nước tư sản (nhà nước tư sản trở thành chủ thể kinh doanh). Địa vị lao động làm thuê thay đổi như trên biểu hiện ở chỗ: 1/ GCCN thời kỳ này là những người không có tư liệu sản xuất trong quan hệ với GCTS đã biến đổi, với sự xuất hiện những chủ sở hữu là liên minh những nhà tư bản và nhà nước tư sản; 2/ Công nhân không chỉ bị tổ chức lao động, quản lý sản xuất bởi những nhà tư bản riêng lẻ mà còn bởi những nhà tư bản đã liên minh với nhau nhằm đem lại lợi ích cho chúng, bởi các doanh nghiệp nhà nước; 3/ Trong cùng một quá trình sản xuất, GCCN không chỉ bị bóc lột giá trị thặng dư bởi một nhà tư bản mà bởi liên minh những nhà tư bản. Với sự xuất hiện của lợi nhuận độc quyền, GCCN không chỉ bị bóc lột bởi những nhà tư bản trong nhà máy, xí nghiệp mình tham gia lao động mà còn bị bóc lột bởi các nhà tư bản của nhà máy, xí nghiệp khác, ngành khác, lĩnh vực khác. Không chỉ vậy, công nhân còn trực tiếp bị bóc lột giá trị thặng dư bởi nhà nước tư sản do nhà nước tư sản xuất hiện như một chủ thể sở hữu tư bản. Do áp dụng những thành tựu khoa học vào sản xuất, mức độ bóc lột GCCN về giá trị thặng dư tương đối nặng nề hơn giai đoạn trước.

Thứ hai, việc xuất hiện hình thức xuất khẩu tư bản, hình thành những liên minh độc quyền quốc tế, tăng cường xâm chiếm thuộc địa và chiến tranh thế giới thứ nhất do quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản dẫn đến nhiều hệ quả: 1/ Tiếp tục biến người lao động ở những nước thuộc địa trở thành công nhân. 2/ Những công nhân này và công nhân ở chính quốc có cùng mâu thuẫn *trực tiếp* với những nhà tư bản trong tổ chức độc quyền; 3/ Xuất hiện mâu thuẫn chung trực

tiếp giữa công nhân ở nhiều thuộc địa khác nhau và ở nhiều chính quốc khác nhau với cùng một liên minh các nhà tư bản ở nhiều quốc gia khác nhau trong liên minh độc quyền quốc tế. Điều đó tăng cường khả năng đoàn kết thống nhất của công nhân ở các nước cùng làm thuê cho liên minh độc quyền quốc tế.

Thứ ba, trong chủ nghĩa đế quốc, dưới tác động của cách mạng công nghiệp 2.0, nhiều ngành nghề kinh tế mới xuất hiện, từ đó nảy sinh những bộ phận công nhân mới tương ứng.

Như vậy, trong tư tưởng của V.I.Lênin về chủ nghĩa đế quốc, GCCN có nhiều thuộc tính được biến đổi, có những tính chất mới xuất hiện. Điều đó cho thấy, khi ngoại diên được mở rộng với sự xuất hiện của công nhân trong chủ nghĩa đế quốc, thì bản chất của GCCN tiếp tục được khai triển cụ thể hơn, nội hàm khái niệm GCCN trở nên sâu sắc hơn vì nó phải thống nhất những dấu hiệu mới.

3.1.2. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin về một số nội dung của cuộc cách mạng tư sản kiểu mới (cách mạng dân chủ tư sản)

3.1.2.1. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng V.I.Lênin về bản chất của cách mạng tư sản kiểu mới

Tương tác hai khái niệm GCCN và cách mạng tư sản dẫn đến khái niệm GCCN có thêm *nội dung tính phản phong* nhằm xóa bỏ xã hội phong kiến; khái niệm cách mạng tư sản được bổ sung *tính chất vô sản*. Việc bổ sung đó làm cho nội hàm hai khái niệm GCCN và cách mạng tư sản trở nên sâu sắc hơn nhờ thống nhất trong mình những dấu hiệu mới, ngoại diên của chúng cũng mở rộng hơn do xuất hiện đối tượng mới, bản chất GCCN cũng tiếp tục biểu hiện cụ thể hơn. Tương tác giữa khái niệm GCCN với cách mạng tư sản làm xuất hiện những dấu hiệu chung: Tính chất cách mạng đang phát triển của GCCN và tính chất vô sản đang phát triển của cách mạng tư sản. Từ dấu hiệu chung đó mà V.I.Lênin đã sáng tạo ra khái niệm mới: cách mạng tư sản kiểu mới.

3.1.2.2. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin về khối liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của GCCN trong cách mạng tư sản kiểu mới

Khái niệm liên minh công nông ra đời là kết quả của sự tương tác giữa các khái niệm sinh thành trong tư duy lý luận: GCCN, giai cấp nông dân và liên minh giai cấp. Trong tương tác, khái niệm GCCN và khái niệm giai cấp nông dân được bổ sung thêm *nội dung liên minh trong cách mạng tư sản kiểu mới*, khái niệm liên minh giai cấp được bổ sung thêm *nội dung vô sản và nông dân*. Vì được bổ sung như vậy mà bản chất GCCN cũng trở nên cụ thể hơn, nội hàm khái niệm GCCN

cũng sâu sắc hơn do thống nhất và tổng hợp nội dung mới. Trong tương tác, hình thành nên những dấu hiệu thống nhất: *nội dung liên minh* đang sinh thành trong phong trào công nhân và nông dân, và *nội dung vô sản, nông dân* đang phát triển trong sự liên minh. Từ đó, tư duy lý luận khái quát thành khái niệm liên minh công nông trong cách mạng tư sản kiểu mới. Trong tương tác, khái niệm GCCN giữ *vai trò chi phối*, do đó, nội dung khái niệm mới mang bản chất của GCCN.

3.1.2.3. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin về cách mạng không ngừng

Cách mạng không ngừng là khái niệm phản ánh *tính chất chuyển tiếp, liên tục của quá trình cách mạng* của GCCN từ cách mạng tư sản kiểu mới lên cách mạng XHCN. Theo V.I.Lênin, có thể chuyển sang cách mạng XHCN sau khi hoàn thành cách mạng tư sản kiểu mới do hai cuộc cách mạng này đều có tính chất GCCN, đó là những mâu thuẫn của bản thân họ và việc giải quyết liên tục những mâu thuẫn ấy để vươn tới hoàn thành sứ mệnh lịch sử của GCCN. Tính chất chuyển tiếp, liên tục của cách mạng không ngừng chính là sự phản ánh mâu thuẫn và sự chuyển tiếp, tính liên tục trong giải quyết mâu thuẫn của bản thân GCCN. Với việc hình thành khái niệm cách mạng không ngừng, khái niệm GCCN đã *thực sự* được bổ sung thêm *nội dung không ngừng, liên tục* trong việc giải quyết các mâu thuẫn để biến khả năng thành hiện thực, nội hàm của nó vì vậy trở nên sâu sắc hơn nhờ sự thống nhất và tổng hợp nội dung mới, bản chất GCCN cũng được triển khai cụ thể hơn. Đồng thời khái niệm cách mạng không ngừng cũng được bổ sung thêm dấu hiệu GCCN.

3.1.2.4. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin về nền chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân

Sự triển khai bản chất mâu thuẫn của GCCN và của giai cấp nông dân với chế độ chuyên chế Nga hoàng biểu hiện thành nền chuyên chính cách mạng.

Sự tương tác giữa khái niệm GCCN, giai cấp nông dân với khái niệm nền chuyên chính làm cho khái niệm GCCN và khái niệm giai cấp nông dân xuất hiện thêm nội dung *chuyên chính* trấn áp đối với chế độ chuyên chế phong kiến; còn khái niệm nền chuyên chính xuất hiện thêm dấu hiệu công nhân và nông dân. Bản chất GCCN vì vậy cũng được triển khai cụ thể hơn một bước, nội hàm khái niệm GCCN trở nên sâu sắc hơn nhờ sự thống nhất và tổng hợp nội dung mới. Sự tương tác còn làm xuất hiện tính chất chung thống nhất của ba khái niệm, đó là dấu hiệu *chuyên chính* đang hình thành, phát triển trong phong trào công nhân và nông dân, là dấu hiệu *công nhân và nông dân* được xác lập trong nền chuyên chính. Từ dấu hiệu chung thống nhất đó mà V.I.Lênin đã khái quát thành khái niệm nền chuyên

chính dân chủ cách mạng của GCCN và nông dân. Do khái niệm GCCN là khái niệm chủ trong tương tác, nên “nền chuyên chính dân chủ cách mạng của GCCN và nông dân” mang bản chất của GCCN, nó qui định sự vận động và phát triển của nền chuyên chính này.

3.1.3. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin về cách mạng vô sản (cách mạng xã hội chủ nghĩa)

3.1.3.1. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin về cách mạng bạo lực

Đến Lênin, nội hàm khái niệm cách mạng bạo lực đã trở nên sâu sắc hơn do dấu hiệu căn bản “*sức mạnh* được sử dụng để *buộc kẻ khác phải phục tùng*” khái quát được cả dấu hiệu sức mạnh vũ trang và sức mạnh chính trị. Ngoại diên cũng rộng hơn với hình thức đấu tranh chính trị bên cạnh hình thức đấu tranh vũ trang. Khái niệm bạo lực phát triển cũng làm cho nội dung cách mạng của khái niệm GCCN trở nên đầy đủ và cụ thể hơn, vì thế con đường vận động của khái niệm GCCN từ trừu tượng tới cụ thể được tiến thêm một bước, nội hàm của nó cũng sâu sắc hơn do phải thống nhất những dấu hiệu mới.

Vì sao GCCN và nhân dân lao động phải dùng “*sức mạnh*” để giành chính quyền và xóa bỏ nhà nước tư sản? Điều này xuất phát từ bản chất mâu thuẫn không điều hòa được giữa GCCN với GCTS. Sự giải quyết bản chất mâu thuẫn ấy trong những điều kiện đặc biệt cực kỳ hiếm, cực kỳ quý có thể bằng phương pháp hòa bình.

3.1.3.2. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin về nhà nước chuyên chính vô sản

Khái niệm nhà nước chuyên chính vô sản tiếp tục được V.I.Lênin giải thích, bổ sung thêm tính chất nhân dân, trấn áp và tính chất tự do, “*tiêu vong*”. Những tính chất ấy chính là biểu hiện bản chất mâu thuẫn của GCCN được khai triển cụ thể trong nhà nước chuyên chính vô sản.

Khi V.I.Lênin giải thích những tên gọi khác nhau cùng chỉ khái niệm nhà nước chuyên chính vô sản, thì những dấu hiệu khác nhau trong nội dung khái niệm nhà nước chuyên chính vô sản được nhận thức một cách rõ ràng hơn. Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, khái niệm nhà nước chuyên chính vô sản còn có sự mở rộng ngoại diên với sự ra đời của nhà nước Xô Viết.

3.1.3.3. Khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin về nền chuyên chính vô sản và chế độ dân chủ vô sản

Sự tương tác giữa khái niệm GCCN với khái niệm nền chuyên chính làm cho khái niệm GCCN xuất hiện thêm nội dung *nền chuyên chính*, khái niệm *nền chuyên chính* nảy sinh thêm *tính chất GCCN*. Sự tương tác này còn làm xuất hiện

những dấu hiệu chung thống nhất là *tính chất công nhân* đang phát triển trong sự vận động của nền chuyên chính và nội dung *nền chuyên chính* đang hình thành trong phong trào đấu tranh của GCCN. Sự thống nhất đó cho phép tư duy lý luận khái quát nên khái niệm nền chuyên chính vô sản. Khái niệm này mang 2 dấu hiệu *nền chuyên chính* và *tính chất GCCN*, trong đó *nền chuyên chính* là dấu hiệu chung, *tính chất GCCN* là dấu hiệu bản chất, khác biệt. Từ đó có thể định nghĩa, nền chuyên chính vô sản là nền chuyên chính mang bản chất GCCN. Với sự xuất hiện khái niệm nền chuyên chính vô sản, ngoại diên khái niệm nền chuyên chính được mở rộng hơn.

Sự tương tác của khái niệm GCCN với khái niệm chế độ dân chủ làm cho khái niệm GCCN được bổ sung thêm *nội dung chế độ dân chủ*, khái niệm chế độ dân chủ được làm giàu thêm *tính chất giai cấp vô sản*. Bên cạnh đó, sự tương tác này còn làm xuất hiện những dấu hiệu chung thống nhất là *tính chất GCCN* đang xuất hiện trong chế độ dân chủ và *nội dung chế độ dân chủ* đang xuất hiện trong phong trào công nhân. Dựa trên dấu hiệu chung thống nhất đó, tư duy lý luận sáng tạo ra khái niệm mới, khái niệm chế độ dân chủ vô sản. Sự ra đời của khái niệm chế độ dân chủ vô sản làm cho ngoại diên của khái niệm chế độ dân chủ được mở rộng. Khái niệm chế độ dân chủ vô sản mang 2 dấu hiệu chế độ dân chủ, tính chất GCCN. Trong đó chế độ dân chủ là dấu hiệu chung, còn tính chất GCCN là dấu hiệu bản chất, khác biệt.

Việc được bổ sung những dấu hiệu mới cho thấy bản chất GCCN được triển khai đầy đủ và cụ thể hơn, sự vận động từ trừu tượng đến cụ thể của khái niệm GCCN được tiến thêm một bước. Sự bổ sung dấu hiệu ấy cũng cho thấy khi ngoại diên được mở rộng với việc xuất hiện GCCN trong chủ nghĩa đế quốc thì nội hàm khái niệm GCCN lại càng thêm sâu sắc hơn do mức độ khái quát của nó cao hơn nhờ thống nhất những thuộc tính mới xuất hiện. Bản chất GCCN trở thành bản chất và qui định sự vận động của nền chuyên chính vô sản và chế độ dân chủ vô sản.

3.1.3.4. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân trong tư tưởng của V.I.Lênin về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Việc V.I. Lênin chỉ ra các giai đoạn của chủ nghĩa cộng sản là cùng một chất và sự phát triển của ông về khái niệm thời kỳ quá độ làm cho nội dung “xã hội” trong khái niệm GCCN càng được hiểu cụ thể hơn nữa. Nội hàm của khái niệm GCCN do đó cũng trở nên sâu sắc thêm do trình độ khái quát của nó cao hơn nhờ thống nhất tất cả các đặc điểm của các hình thức quá độ khác nhau trong nội dung “xã hội” của khái niệm GCCN.

3.2. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân từ sau V.I.Lênin mất

đến nay

3.2.1. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân từ sau V.I.Lênin mất đến những năm 70 của thế kỷ XX

Trong giai đoạn này, bản chất GCCN tiếp tục được triển khai cụ thể hơn với việc GCCN vừa phải thực hiện cuộc cách mạng vô sản ở những nước tư bản, vừa phải tiến hành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ ở những nước thuộc địa, địa vị của họ cũng thay đổi trong sản xuất và trở thành người làm chủ đất nước khi cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ thành công. Nội dung và nội hàm GCCN do vậy cũng trở nên phong phú và sâu sắc hơn do nó phải thống nhất những dấu hiệu mới vào trong bản chất của mình. Giai đoạn này bản chất GCCN cũng từng bước được hiện thực hóa thành các đảng cộng sản và hệ thống các nước XHCN.

3.2.2. Sự phát triển khái niệm giai cấp công nhân từ khoảng những năm 70 của thế kỷ XX đến nay

** Khái niệm giai cấp công nhân trong điều kiện gia tăng số công ty độc quyền xuyên quốc gia*

Công nhân hàng trăm quốc gia cùng trở thành người làm thuê, cùng bị tước đoạt tư liệu sản xuất, cùng bị tổ chức lao động, quản lý sản xuất, cùng bị bóc lột giá trị thặng dư bởi cùng một liên minh các nhà tư bản trong các tổ chức độc quyền xuyên/đa quốc gia. Có sự hình thành *người công nhân tổng thể quốc tế* và *công nhân bộ phận quốc tế*. Tính chất quốc tế của GCCN có được hình thức mới. Phương thức lao động cũng thay đổi. Nếu trong công trường thủ công, công nhân sử dụng công cụ thủ công; trong công xưởng, công nhân phục vụ máy móc; trong những tổ chức độc quyền, công nhân phục vụ một bộ phận dây chuyền sản xuất; thì nay công nhân đứng cạnh máy móc điều khiển máy móc tự động.

** Khái niệm giai cấp công nhân trong hình thức sở hữu cổ phần*

Từ nửa sau thế kỷ XX, xuất hiện xu hướng xã hội hóa hóa sở hữu với việc một số lớn công nhân thành người có sở hữu cổ phần. Do có sở hữu cổ phần, công nhân có quyền định đoạt phần tư bản thuộc về họ bằng sự tham gia quản lý các doanh nghiệp thông qua “*chế độ tham dự*” và “*chế độ ủy nhiệm*”. Mặc dù công nhân đã bước đầu tham gia những quyết định quản lý kinh tế, nhưng thực ra những quyết định về sản xuất kinh doanh và tổ chức lao động trong phạm vi doanh nghiệp vẫn thuộc về nhà tư bản nắm giữ chủ yếu cổ phần. Về địa vị trong phân phối sản phẩm, công nhân có sở hữu cổ phần ngoài tiền công còn nhận được *cổ tức* do cổ phần của họ đem lại.

Mặc dù GCCN đã nắm giữ một phần nhỏ tư liệu sản xuất nhưng thuộc tính bị tước đoạt tư liệu sản xuất vẫn chưa thay đổi về chất. Đa số họ vẫn là những

người bị tổ chức lao động, quản lý sản xuất, bị bóc lột giá trị thặng dư và là những người có địa vị lao động làm thuê.

Theo đà phát triển của sản xuất, công nhân có cổ phần và giá trị cổ phần ngày càng tăng, đến một ngưỡng nhất định sẽ mâu thuẫn sâu sắc với bản chất của GCTS. Giải quyết được mâu thuẫn ấy, sẽ chuyển hóa từ sự biến đổi về lượng thành sự biến đổi về chất, từ lao động làm thuê trở thành lao động tự do.

** Khái niệm giai cấp công nhân khi xuất hiện hiện tượng các nhóm công nhân trở thành chủ sở hữu doanh nghiệp*

Trong chủ nghĩa tư bản hiện nay, có hiện tượng công nhân trở thành chủ sở hữu tập thể xí nghiệp. Là chủ sở hữu, họ có quyền tổ chức lao động, quản lý sản xuất theo cách “sử dụng những cơ chế khác nhau”. Họ vừa là người quản lý, vừa là đối tượng bị quản lý. Trong sản xuất, thời gian lao động phân chia thành thời gian lao động tất yếu và thời gian lao động thặng dư. Họ làm việc trong cả hai khoảng thời gian ấy. Lao động của họ vẫn là lao động làm thuê. Họ có quyền phân phối, quyết định cách trả tiền công cho người lãnh đạo, quản lý cấp cao. Thu nhập của họ gồm tiền công và lợi tức cổ phần họ đóng góp. Họ vừa bị chiếm đoạt một phần giá trị thặng dư bởi chính họ, vừa nhận một phần giá trị thặng dư của chính họ.

** Khái niệm giai cấp công nhân khi xuất hiện tình trạng tư hữu không sử dụng lao động làm thuê (của người khác)*

Thế giới đang nảy sinh một xu hướng sở hữu tư nhân không sử dụng lao động làm thuê. Là chủ sở hữu tư liệu sản xuất, họ giữ vai trò quản lý, chỉ huy sản xuất. Ở đây, thời gian lao động chia thành thời gian lao động tất yếu và thời gian lao động thặng dư. Chủ sở hữu phải tiến hành lao động trong cả hai khoảng thời gian này. Trong xã hội tư bản, do tác động của qui luật giá trị thặng dư, một doanh nghiệp nào đó muốn tồn tại và phát triển thì trước hết việc sản xuất cần tạo ra được giá trị thặng dư, lợi nhuận để đầu tư tái sản xuất mở rộng. Do đó sự phân chia thời gian lao động tất yếu và thặng dư là không thể tránh khỏi. Lao động của chủ sở hữu trong loại hình sản xuất này cũng là lao động bị cưỡng bức – cưỡng bức bởi qui luật kinh tế. Họ trả cho họ tiền công trong thời gian lao động tất yếu. Họ tồn tại với tư cách công nhân. Họ trả cho họ giá trị tạo ra trong thời gian lao động thặng dư. Họ tồn tại với tư cách ông chủ tư bản. Họ vừa là nhà tư bản vừa là công nhân. Là tư bản vì họ kinh doanh theo lối TBCN, với một giá trị nào đó trở thành một giá trị lớn hơn, vẫn có giá trị thặng dư, vẫn có lợi nhuận. Là công nhân, vì lao động của họ là nguồn gốc làm cho tư bản của họ lớn hơn. Họ là công nhân

mang tính chất tư sản. Sự xuất hiện sở hữu tư nhân không sử dụng lao động làm thuê chính là một bước xóa bỏ mình và khôi phục mình của GCCN.

** Khái niệm giai cấp công nhân trong nền kinh tế tri thức*

Công nhân trí thức có trình độ trí tuệ cao hơn so với bộ phận công nhân khác. Họ là các nhà phân tích biểu tượng, thao tác dựa trên các biểu tượng thay vì sử dụng máy móc. Họ gồm các nhà kiến trúc sư, nhân viên ngân hàng, nhà thiết kế thời trang, nhà nghiên cứu dược phẩm, các giáo viên và nhà phân tích chính sách,... Khi nền kinh tế tri thức ra đời, khái niệm sở hữu có sự mở rộng ngoại diên bao gồm cả sở hữu vật chất về tư liệu sản xuất và sở hữu trí tuệ. Công nhân trong những “doanh nghiệp tri thức” tư nhân tạo ra tri thức, phát minh, sáng chế, nhưng chúng thuộc sở hữu trí tuệ của ông chủ “doanh nghiệp tri thức”. Trong kinh tế thị trường TBCN, do tác động bởi những quy luật kinh tế, tri thức không thể được chia sẻ miễn phí, chưa thể trở thành tri thức xã hội phổ biến đối với mọi người.

** Khái niệm công nhân quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

GCCN quá độ lên CNXH là GCCN vừa có địa vị lao động làm thuê vừa có địa vị làm chủ do kết quả của sự vận động mâu thuẫn của bản thân họ tạo ra. Có hai loại hình GCCN quá độ lên CNXH: 1. GCCN quá độ lên CNXH ở những nước TBCN; 2. GCCN quá độ lên CNXH ở những nước quá độ lên CNXH. Hai loại hình công nhân này có những đặc điểm khác nhau.

Như vậy, từ những năm 70 của thế kỷ XX đến nay, bản chất GCCN biến đổi trong khuôn khổ chất của nó, sự biến đổi và xuất hiện những thuộc tính mới cho thấy nội dung khái niệm GCCN ngày càng phong phú, nội hàm cũng sâu sắc hơn. Ngoại diên của khái niệm này cũng được mở rộng theo hai hướng xuất hiện những bộ phận công nhân và những hình thái công nhân mới.

3.3. Khái niệm giai cấp công nhân Việt Nam

GCCN Việt Nam vừa mang bản chất của GCCN nói chung vừa mang đặc tính của dân tộc. Đặc tính dân tộc luôn biểu hiện trong mọi tính chất của GCCN Việt Nam. GCCN Việt Nam có nguồn gốc từ sự du nhập và thực hành phương thức sản xuất TBCN ở nước ta thông qua quá trình xâm lược và khai thác thuộc địa. Qua mỗi giai đoạn, do sự vận động của điều kiện dân tộc và quốc tế mà khái niệm GCCN cũng vận động theo để phản ánh sự thay đổi về địa vị, nhiệm vụ, tính chất của GCCN và sự xuất hiện những bộ phận công nhân mới. Sự biến đổi của khái niệm GCCN Việt Nam cũng là quá trình vận động từ trừu tượng tới cụ thể.

Tiểu kết chương 3

Khái niệm GCCN từ V.I.Lênin đến nay, so với thời kỳ C.Mác và Ph.Ăngghen sống, có nội dung phong phú hơn do được bổ sung nhiều tính chất mới như trực tiếp làm thuê cho liên minh những nhà tư bản, có cổ phần, được nhận một phần giá trị thặng dư, mang tính “quá độ” lên CNXH...; có nội hàm sâu sắc hơn nhờ thống nhất được tất cả các dấu hiệu của các đối tượng ngoại diên rộng lớn hơn trong hiện thực; có môi liên hệ nội tại, qui định bản chất và sự biến đổi của hệ thống khái niệm trong CNXH khoa học; bản chất GCCN được khai triển cụ thể hơn và ngày càng được hiện thực hóa. GCCN Việt Nam được phản ánh trong khái niệm vừa mang bản chất của GCCN quốc tế vừa mang đặc tính dân tộc Việt Nam, nội dung, nội hàm và ngoại diên của khái niệm GCCN Việt Nam luôn vận động cùng dòng chảy lịch sử dân tộc.

KẾT LUẬN

Đến nay, chưa có công trình nào coi sự vận động của khái niệm GCCN là đối tượng nghiên cứu chính. Vì vậy, có một số vấn đề về logic vận động của khái niệm GCCN đang được đặt ra cần lời giải đáp. Để giải quyết vấn đề đó, luận án đã xây dựng khung mẫu lý thuyết về các điều kiện cần cho sự ra đời của một khái niệm, lý thuyết, học thuyết nói chung. Hiện thực hóa khung mẫu lý thuyết đó trên chất liệu logic vận động của khái niệm GCCN, qua đó khẳng định: Khái niệm GCCN ra đời trên cơ sở đối tượng GCCN đã phát triển tới độ trưởng thành và những giá trị của tư tưởng XHCN không tương thời kỳ Phục hưng và Cận đại; Nó vận động từ trừu tượng tới cụ thể, có nội hàm ngày càng sâu sắc, ngoại diên ngày càng mở rộng và từng bước được hiện thực hóa; Khái niệm GCCN giữ vai trò khái niệm chủ, sản sinh ra những khái niệm khác của CNXH khoa học qua trung giới; Trình độ khái niệm GCCN qui định trình độ của hệ thống các khái niệm của CNXH. GCCN Việt Nam được phản ánh trong khái niệm vừa mang bản chất của GCCN nói chung, vừa mang những đặc tính dân tộc và luôn luôn biến đổi qua các thời kỳ của lịch sử dân tộc.